

Số: 686 /YCBG-BVPSTB

Hung Yên, ngày 17 tháng 9 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm và hoá chất dùng chung phục vụ hoạt động chuyên môn của Bệnh viện Phụ sản Thái Bình lần 2 năm 2025-2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình
Địa chỉ: Số 530A, đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Mr. Đỗ Tuấn Anh, chức vụ : Phó Phòng Tài chính kế toán ,số điện thoại: 0982844118 - email: tuananhtng2@gmail.com.
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận báo giá qua đường chuyển phát nhanh tại địa chỉ : Bản ký đóng dấu (tài liệu gửi về Bệnh viện phải được niêm phong theo quy định) gửi về Mr. Đỗ Tuấn Anh - phòng Tài chính kế toán. Địa chỉ: Số 530A, đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.
 - File mềm: gửi vào email: tuananhtng2@gmail.com.
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 18 tháng 9 năm 2025 đến hết ngày 28 tháng 9 năm 2025
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm và hoá chất dùng chung phục vụ hoạt động chuyên môn của Bệnh viện Phụ sản Thái Bình lần 2 năm 2025-2026 (Chi tiết phụ lục đính kèm)
- Địa điểm cung cấp hóa chất: Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình (Số 530A, đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.)
- Thời gian giao hàng dự kiến: Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Giao hàng thành nhiều lần theo nhu cầu của bệnh viện.



4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.
- Thanh toán: Thanh toán làm nhiều lần trên cơ sở hóa đơn, biên bản bàn giao, nghiệm thu của từng lần giao, nhận hàng.

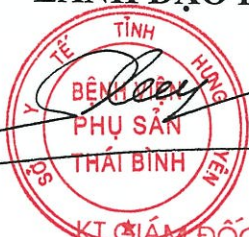
5. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá *theo mẫu đính kèm*.

Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình kính mời đại diện các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam tham gia báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.TBYT

LÃNH ĐẠO BỆNH VIỆN


PHÓ GIÁM ĐỐC
BSCKII. Đoàn Duy Cường



**PHỤ LỤC: DANH MỤC MUA SẮM HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM VÀ HÓA CHẤT DÙNG CHUNG
PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN CỦA BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÁI BÌNH LẦN 2 NĂM 2025-2026**

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 626/YCBG-BVPS ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình)

Stt	Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch dự kiến
1	1	Thuốc nhuộm tiêu bản Hematoxylin	Dung dịch màu tím đậm, không mùi. Dùng để nhuộm hạt nhân trong tế bào học. Thành phần: Hematoxylin: Haematoxylin C.I. No. 75 290 0.5%; Aluminium Sulphate 6%; Ethylene glycol 15%. Dạng lỏng sử dụng trực tiếp. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, CE	Lít	8
2	2	Thuốc nhuộm Giemsa	Nhuộm tiêu bản nhiễm sắc thể phục vụ cho xét nghiệm công thức nhiễm sắc thể (mẫu máu, ối, rau). Thành phần Xanhmethylen, Eosin. Hóa chất có chứng nhận IVD hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO.	Lít	10
3	3	Môi trường phân loại tinh trùng	Độ pH: 7.2-7.9. Độ thẩm thấu: 320-350mOsm/kg. Nội độc tố: <0.5EU/ml. Tỷ trọng: 1.1050-1.1150g/ml. - Kiểm tra khả năng sống của tinh trùng >80%.	Kit	13
4	4	Vôi sô đa	Dùng để hấp phụ khí CO2 trong máy gây mê. Gồm 2 thành phần chính là NaOH và Ca(OH)2.	Kg	120
5	5	Kaliiodua	Phân tích, tinh khiết, là tinh thể màu trắng hoặc trắng ngà hàm lượng KI tối thiểu 98%	Kg	5
6	6	Nước cất 2 lần	Sản phẩm được sản xuất tại cơ sở áp dụng tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	24.000
7	7	Formaldehyd	Dung dịch formaldehyde đậm trung tính 10% Thành phần: Formadehyte 37%; ≥7-10%; Metanol ≥ 1-3% Tính chất lí hóa: Chất lỏng, không màu Điểm sôi: 100 độ C ở 1,013 hPa Độ pH: 6.8-7.2 ...	Lít	100
8	8	Hóa chất nhuộm Eosin Y 1%	Dùng để nhuộm tế bào chất trong mô học. Thành phần: Eosin aqueous solution 1%. Dạng lỏng sử dụng luôn. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, CE	Lít	6
9	9	Dầu soi kính	Với chiết xuất phù hợp với tất cả các loại kính hiển vi. Là loại dầu trong suốt có chiết suất cao.	Lít	5
10	10	Gel cất lạnh bệnh phẩm	Hóa chất dạng lỏng nhớt, màu trong đến vàng nhạt, mùi cồn nhẹ, tan trong nước. Sử dụng cho sự chuẩn bị các mẫu bệnh phẩm đông lạnh Thành phần gồm có: Polyvinyl Alcohol: 5-15% Polyethylene Glycol: 1-10% Các thành phần không gây kích ứng: 75-95%	Chai	6
11	11	Bộ dung dịch thuốc nhuộm dùng cho xét nghiệm sàng lọc ung thư cổ tử cung.	Bộ dung dịch thuốc nhuộm ThinPrep Stain dùng cho xét nghiệm sàng lọc ung thư Cổ tử cung gồm: Nuclear stain, Orange G Solution, EA Solution, Rinse Solution và Bluing Solution.	Bộ	2
12	12	Bộ Kít xét nghiệm sàng lọc ung thư cổ tử cung sử dụng công nghệ màng lọc	Bộ kít xét nghiệm sàng lọc ung thư cổ tử cung dùng cho mục đích sử dụng tầm soát ung thư cổ tử cung. Xét nghiệm tầm soát ung thư cổ tử cung công nghệ chuyển tế bào lên lam kính bằng màng lọc có kiểm soát. Sử dụng nguyên lý cơ - khí - lỏng để phân tán, tập hợp và chuyển tế bào lên lam kính. Toàn bộ mẫu bệnh phẩm được sử lý hoàn toàn tự động. bao gồm: lọ thu thập mẫu, chổi lấy tế bào, màng lọc, lam kính tích điện dương, hàng hóa có xuất xứ nhóm G7 / Châu Âu Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485 hoặc tương đương	Kít	8000
13	13	Hồng cầu mẫu	Nồng độ hồng cầu 3-5%, dùng để định nhóm máu ABO, độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 100% hoặc tương đương	Bộ	100
14	14	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn dương tính	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn dương tính dùng cho máy phân tích nước tiểu. Thành phần: Glucose; crystalline bilirubin; sodium methyl acetoacetate; bovine hemoglobin; bovine serum albumin; 5-(4-sulfobutoxy)-2-methylindole sodium salt; sodium nitrite; protease (fungal)	Test	300

Stt	Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch dự kiến
15	15	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn âm tính	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn âm tính dùng cho máy phân tích nước tiểu. Thành phần: Potassium phosphate monobasic and dibasic; sodium chloride; urea	Test	300
16	16	Chất chuẩn kiểm tra xét nghiệm nước tiểu Mức 2.	Chất chuẩn được thiết kế sử dụng để kiểm tra chất lượng của xét nghiệm nước tiểu bằng que thử. Sản phẩm này cung cấp dải giá trị tham chiếu cho 13 thông số trên que thử nước tiểu của hầu hết các nhà sản xuất. + Dạng lỏng, sẵn sàng sử dụng ngay. + Có nguồn gốc 100% từ nước tiểu người. + Ổn định đến hạn sử dụng khi bảo quản ở nhiệt độ 2-8 độ C. + Sau khi mở nắp mẫu ổn định trong vòng 30 ngày ở 2- 25 độ C hoặc nhưng tối đa 20 lần que thử vào lọ mẫu.	Lọ	4
17	17	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%.	Lít	75
18	18	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người); Chất kiểm chứng 2 mức; Các giá trị có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL và LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control)	Lọ	10
19	19	Cơ chất phát quang	Sản phẩm được dùng với hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access và thuốc thử xét nghiệm miễn dịch Access đặc hiệu; Thành phần chính: Lumi-Phos 530 (dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt)	ml	15600
20	20	Định lượng Testosterone	Thuốc thử xét nghiệm định lượng testosterone trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym gắn cạnh tranh; Dải đo: xấp xỉ 0,1 – 16 ng/mL [0,35–55,5 nmol/L]; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể dê kháng IgG chuột, chất cộng hợp testosterone – phosphatase kiềm với albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, ProClin, dung dịch xử lý mẫu, kháng thể đơn dòng kháng testosterone (chuột), protein (BSA, chuột, dê)	Test	300
21	21	Định lượng CEA	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym hai vị trí gắn, kiểu “sandwich”; Dải đo: xấp xỉ 0,1–1000 ng/mL; Thành phần chính: Pha rắn các hạt thuận từ phủ MAb (chuột) kháng CEA, được phân tán trong dung dịch đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, ProClin, chất cộng hợp MAb (chuột) kháng CEA gắn phosphatase kiềm (bò), được pha loãng trong dung dịch đệm phosphat, protein (chuột, bò)	Test	2000
22	22	Định lượng Total T3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3 trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh; Dải đo: xấp xỉ 0,1 đến 8 ng/mL (0,2–12,3 nmol/L); Thành phần chính: Chất cộng hợp kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng T3 - phosphatase kiềm (bò), các hạt thuận từ phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim và chuột), chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, chất tương tự T3 được liên kết với biotin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), dung dịch natri hydroxid 0,4N (NaOH) có 8-Anilino-1-Naphthalenesulfonic Acid (ANS), dung dịch acid hydrochloric (HCl) 0,4N	Test	1800
23	23	Định lượng Total T4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme gắn cạnh tranh; Dải đo: xấp xỉ 0,5–30 µg/dL [6,4–386 nmol/L]; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng IgG chuột được phân tán trong muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), 8-anilino-1-naphthalenesulfonic acid (ANS), natri azide, ProClin, kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng thyroxine được pha loãng trong muối đệm TRIS, protein (lớp chim, chuột, dê), chất cộng hợp thyroxine - phosphatase kiềm (bò) được pha loãng trong muối đệm TRIS	Test	1800
24	24	Định lượng Free T3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3 tự do trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Dung dịch đệm HEPES, protein (bò), chất hoạt động bề mặt, NaN ₃ , ProClin, T3 ở các mức nồng độ 0 pg/mL, xấp xỉ 1, 2, 5, 10 và 30 pg/mL	Test	1800
25	25	Định lượng Free T4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T4 tự do trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azit, ProClin, thyroxine ở các mức nồng độ 0 ng/dL, xấp xỉ 0,5, 1,0, 2,0, 3,0 và 6,0 ng/dL	Test	1800
26	26	Dung dịch rửa dòng máy DxI	Sản phẩm được dùng với Hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access và thuốc thử xét nghiệm miễn dịch Access đặc hiệu; Thành phần chính: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, natri azit và khối lượng phân ứng: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-4-isothiazolin-3-one (3:1)	Lít	1000

Stt	Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch dự kiến
27	27	Định lượng CA 15-3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 15-3 trong huyết thanh và huyết tương người (chống đông bằng heparin) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: enzym miễn dịch hai vị trí gắn ("sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0,5-1000 U/mL; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (đỏ) kháng biotin, kháng thể (chuột, đơn dòng, gắn biotin) kháng kháng nguyên CA 15-3, albumin huyết thanh bò, natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng kháng nguyên CA 15-3, dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột)	Test	3000
		Phần số 28 : Hóa chất, vật tư xét nghiệm HPV DNA			
28	1	Thuốc thử xét nghiệm định tính DNA HPV	-Thuốc thử xét nghiệm định tính DNA HPV; - Xét nghiệm in vitro định tính tự động để phát hiện DNA của papillomavirus ở người (HPV). Mẫu bệnh phẩm là mẫu tế bào cổ tử cung. Xét nghiệm xác định đặc hiệu HPV 16 và HPV 18, đồng thời phát hiện các type nguy cơ cao khác (31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 56, 58, 59, 66 và 68). - Giới hạn phát hiện (LOD) HPV 16 và 18: ≤16 tế bào/ml; - Độ đặc hiệu phân tích được thực hiện với 1 nhóm các vi khuẩn, nấm và virus thường thấy trong đường tiết niệu-sinh dục nữ và 25 tuýp HPV nguy cơ thấp hoặc không xác định. Kết quả là không có vi sinh vật nào tạo ra kết quả dương tính giả. -Thành phần cung cấp gồm Dung dịch Proteinase; đệm rửa giải (elution buffer); master mix 1 và master mix 2; Master mix chứa enzyme uracil N-glycosylase để loại trừ nhiễm amplicon từ những lần chạy PCR trước.	Test	14400
29	2	Vật liệu kiểm soát âm tính	-Vật liệu kiểm soát âm tính để thẩm định tính hợp lệ của các mẻ chạy - Thành phần gồm đệm Tris, natri azide , EDTA, Poly rA RNA có giá trị trong vòng 72h.	mL	320
30	3	Vật liệu kiểm soát dương tính	- Vật liệu kiểm soát dương tính - Thành phần gồm Tris buffer; EDTA; Natri azide; DNA plasmid không lây nhiễm chứa trình tự HPV16, HPV18 và HPV 39; DNA plasmid không lây nhiễm chứa trình tự β-globin, RNA Poly rA - Có giá trị trong vòng 72h	mL	320
31	4	Hạt bi từ tách chiết DNA HPV	- Thành phần gồm Hạt thủy tinh từ tính, đệm Tris, 0.1% methyl-4 hydroxybenzoate, ≤0.1% natri azide	Test	14400
32	5	Đầu tip hút mẫu và thuốc thử 1000 µL	- Đầu tip hút mẫu và thuốc thử, có màng lọc thể tích hút 1 mL, không chứa RNase, DNase, Pyrogen, DNA, ATP người và chất ức chế PCR. - Lamin bằng Polypropylene - Thể tích: 1000 µL	Cái	46080
33	6	Đầu tip hút mẫu và thuốc thử 300 µL	- Đầu tip hút mẫu và thuốc thử, có màng lọc - không chứa RNase, DNase, Pyrogen, DNA, ATP người và chất ức chế PCR. -Thể tích: 300 µL	Cái	34560
34	7	Chổi lấy mẫu tế bào tử cung	Hộp gồm 100 chổi lấy tế bào cổ tử cung, vô trùng và sử dụng một lần.	Cái	15000
35	8	Bộ bảo quản và vận chuyển mẫu tế bào	- Lọ thu, vận chuyển và bảo quản mẫu tế bào để sử dụng trong xét nghiệm sinh học phân tử và/hoặc trong chuẩn bị tiêu bản mẫu tế bào học; - Dung dịch bảo quản trong methanol - Thể tích: 20ml;	Lọ	15000
36	9	Đĩa xử lý mẫu 24 vị trí	- Đĩa xử lý mẫu - Là vật tư tiêu hao sử dụng 1 lần cho hệ thống máy xét nghiệm.	Cái	720
37	10	Đĩa phản ứng 24 vị trí	- Đĩa phản ứng - Là vật tư tiêu hao sử dụng 1 lần cho hệ thống máy xét nghiệm.	Cái	960
38	11	Đĩa chất thải lỏng 24 vị trí	- Đĩa chất thải - Là vật tư tiêu hao sử dụng 1 lần cho hệ thống máy xét nghiệm	Cái	720
39	12	Hóa chất ly giải	- Hóa chất ly giải, thành phần bao gồm guanidine thiocyanate, polydocanol, dithiothreitol, dihydro natri citrate	mL	140000
40	13	Hóa chất rửa hệ thống	- Hóa chất rửa - Thành phần bao gồm Natri citrate dihydrate, methyl-4 hydroxybenzoate.	mL	168000

Stt	Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch dự kiến
41	14	Hóa chất pha loãng mẫu	- Hóa chất pha loãng mẫu, thành phần bao gồm đệm Tris, methyl-4 hydroxybenzoate, natri azide	mL	350000
		Phần số 29 : Hóa chất , vật tư xét nghiệm miễn dịch tự động bằng phương pháp điện hóa phát quang			
42	1	Cup chứa mẫu dùng cho xét nghiệm miễn dịch	- Cốc bằng nhựa để đựng mẫu dùng trên máy phân tích miễn dịch - Bảo quản: 2°C - 32° C - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	72000
43	2	Típ hút mẫu dùng cho xét nghiệm miễn dịch	- Đầu côn bằng nhựa là vật tư tiêu hao trên máy phân tích miễn dịch. - Bảo quản: 2°C - 32° C - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	72000
44	3	Dung dịch rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch	- Dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy phân tích miễn dịch. - Thành phần: KOH ; chất tẩy ≤ 1 % - Bảo quản: 15-25°C	mL	27360
45	4	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa	- Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích miễn dịch. - Thành phần: Đệm phosphate; tripropylamine; chất tẩy ≤ 0.1 %; chất bảo quản; pH 6.8. - Bảo quản: 15-25°C	mL	31920
46	5	Dung dịch phụ trợ cho vào thùng chứa nước cất , tăng cường hiệu quả rửa cho xét nghiệm miễn dịch	- Chất phụ gia cho bình chứa nước cất làm tăng năng suất rửa giữa các bước hút và cần thiết cho các loại xét nghiệm. - Thành phần: 2-methyl-2H-isothiazol-3-one; Polidocanol	mL	7000
47	6	Chất pha loãng mẫu trong xét nghiệm miễn dịch	- Chất pha loãng mẫu sử dụng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch - Thành phần: Đệm huyết thanh ngựa; chất bảo quản. - Bảo quản: 2-8 °C	mL	192
48	7	Dung dịch pha loãng mẫu xét nghiệm miễn dịch	- Dung dịch pha loãng mẫu sử dụng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch - Thành phần: Hỗn hợp protein; chất bảo quản - Bảo quản: 2-8 °C	mL	192
49	8	Chất pha loãng mẫu cho xét nghiệm miễn dịch	- Chất pha loãng mẫu sử dụng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch.. - Thành phần: Hỗn hợp protein; chất bảo quản ≤ 0.1 % - Bảo quản: 2-8 °C	mL	432
50	9	Dung dịch vệ sinh điện cực xét nghiệm điện giải	- Dung dịch vệ sinh có tính kiềm có tính chất kháng khuẩn dùng để vệ sinh máy phân tích xét nghiệm miễn dịch - Thành phần: Natri hydroxide, Dung dịch natri hypochlorite, Phụ gia. - Bảo quản: 2-8 °C	mL	5000
51	10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HE4	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng HE4 trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần: Vi hạt phủ Streptavidin, Kháng thể đơn dòng kháng HE4 đánh dấu biotin (chuột), Kháng thể đơn dòng kháng HE4 (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium, đệm phosphate, chất bảo quản. - Bảo quản ở 2-8 °C - Khoảng đo: 15.0-1500 pmol/L - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Test	3000
52	11	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HE4	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HE4 sử dụng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch - Thành phần: HE4 (người, từ dòng tế bào OvCar-3) ở các khoảng nồng độ trong hỗn hợp huyết thanh ngựa; chất bảo quản. - Bảo quản: 2-8 °C	mL	24
53	12	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HE4	- Hóa chất kiểm soát xét nghiệm định lượng HE4 sử dụng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần: HE4 (người, từ dòng tế bào OvCar-3) ở hai khoảng nồng độ trong huyết thanh người; chất bảo quản. - Bảo quản: 2-8 °C	mL	24
54	13	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 72-4	- Hóa chất dùng để định lượng CA 72-4 trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. - Nguyên lý bất cập. - Tổng thời gian xét nghiệm ≤18 phút. - Thành phần: Vi hạt phủ Streptavidin, Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu biotin ; kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu phức hợp ruthenium; pH 6.8 - Bảo quản: 2-8 °C	Test	1200

Stt	Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch dự kiến
55	14	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4 trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần: CA 72-4 (người) với hai khoảng nồng độ trong huyết thanh người; chất bảo quản. - Bảo quản: 2-8 °C	mL	24
56	15	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm marker ung thư	- Hóa chất kiểm soát xét nghiệm marker ung thư trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần: huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người. - Bảo quản: 2-8 °C	mL	72
57	16	Thuốc thử xét nghiệm định lượng SCC	- Hóa chất xét nghiệm định lượng SCC trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý xét nghiệm: Bất cặp - Thời gian xét nghiệm ≤18 phút. - Bảo quản: 2-8 °C - Thành phần: Vi hạt phủ Streptavidin, kháng thể đơn dòng kháng SCC đánh dấu biotin (chuột); kháng thể đơn dòng kháng SCC (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; pH 7.5; chất bảo quản.	Test	4800
58	17	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng SCC	- Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng SCC trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. - SCC (tái tổ hợp từ E. coli) ở hai khoảng nồng độ trong hỗn hợp huyết thanh người; chất bảo quản. - Bảo quản: 2-8 °C	mL	32
59	18	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng SCC, ProGRP, CYFRA 21-1 và NSE	- Hóa chất kiểm soát xét nghiệm định lượng SCC, ProGRP, CYFRA 21-1 và NSE trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần: mẫu chứng huyết thanh đông khô lấy từ huyết thanh người. - Bảo quản: 2-8 °C	mL	96
60	19	Thuốc thử xét nghiệm định lượng sFlt1	- Hóa chất xét nghiệm định lượng sFlt-1 trong huyết thanh người sử dụng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. - Nguyên lý xét nghiệm: bất cặp. - Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Bảo quản: 2-8 °C - Thành phần: Vi hạt phủ Streptavidin; kháng thể đơn dòng kháng sFlt-1 đánh dấu biotin (chuột); kháng thể đơn dòng kháng sFlt-1 (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; pH 7.2; chất bảo quản.	Test	600
61	20	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sFlt1	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sFlt-1 trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần: sFlt-1 (phân đoạn, người, tái tổ hợp) với hai khoảng nồng độ trong hỗn hợp đệm huyết thanh ngựa. - Bảo quản: 2-8 °C	mL	8
62	21	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PLGF	- Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng yếu tố tăng trưởng nhau thai (PlGF) trong huyết thanh người trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. - Nguyên lý xét nghiệm: bất cặp - Thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Bảo quản: 2-8 °C - Thành phần: Vi hạt phủ Streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng PlGF đánh dấu biotin (chuột); Kháng thể đơn dòng kháng PlGF (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate; chất bảo quản	Test	1200
63	22	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PLGF	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PlGF trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần: PlGF-1 (người, tái tổ hợp, từ E. coli) với hai khoảng nồng độ trong hỗn hợp đệm huyết thanh ngựa. - Bảo quản: 2-8 °C	mL	16
64	23	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng PlGF, sFlt1	- Hóa chất được dùng để kiểm soát các xét nghiệm định lượng PlGF, sFlt1 trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần: mẫu chứng huyết thanh đông khô lấy từ hỗn hợp huyết thanh ngựa. - Bảo quản: 2-8 °C	mL	48
65	24	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 125	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 125 trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần: Vi hạt phủ Streptavidin, Kháng thể đơn dòng kháng CA 125 đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng CA 125 (OC 125; chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium, đệm phosphate - Độ ổn định: sau khi mở và để ở 2-8 °C ≥12 tuần - Độ ổn định: trên máy phân tích ≥ 6 tuần - Khoảng đo: 0.6-5000 U/mL - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Test	3000

Stt	Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch dự kiến
66	25	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA125	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125 dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch . Là một hỗn hợp huyết thanh ngựa đông khô và huyết thanh người chứa CA 125 người - Bảo quản ở 2-8 °C - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	mL	24
Phần 30 : Hóa chất , vật tư cho xét nghiệm khí máu và HbA1C					
67	1	Dung dịch rửa máy khí máu	Bộ dung dịch được sử dụng để hiệu chuẩn thẻ cảm biến, kiểm soát chất lượng, đánh giá độ đúng và độ chụm, rửa thiết bị đo và thu thập chất thải từ máy xét nghiệm.	Hộp	16
68	2	Thẻ cảm biến xét nghiệm khí máu	Thẻ cảm biến xét nghiệm khí máu, 300 test/hộp hoặc tương đương. Thông số đo được bao gồm: pH, pCO ₂ , pO ₂ , cCa ²⁺ , cK ⁺ , cNa ⁺ , cCl ⁻ , cGlu, cLac, ctHb. Nguyên lý đo: đo điện thế (pH, pCO ₂ , K ⁺ , Na ⁺ , Ca ²⁺), đo cường độ dòng điện (cGlu, cLac), đo quang (pO ₂) và quang phổ (ctHb) hoặc tương đương	Hộp	16
69	3	Chất kiểm chứng mức 1 cho máy xét nghiệm khí máu	Chất kiểm chứng mức 1 dùng cho máy xét nghiệm khí máu. 1 hộp gồm 30 ống hoặc tương đương. Thành phần: đệm sinh học, muối và chất bảo quản, và được cân bằng với carbon dioxide và oxy	Hộp	16
70	4	Chất kiểm chứng mức 2 cho máy xét nghiệm khí máu	Chất kiểm chứng mức 2 dùng cho máy xét nghiệm khí máu. 1 hộp gồm 30 ống hoặc tương đương. Thành phần: đệm sinh học, muối và chất bảo quản, và được cân bằng với carbon dioxide và oxy	Hộp	16
71	5	Chất kiểm chứng mức 3 cho máy xét nghiệm khí máu	Chất kiểm chứng mức 3 dùng cho máy xét nghiệm khí máu. 1 hộp gồm 30 ống hoặc tương đương. Thành phần: đệm sinh học, muối và chất bảo quản, và được cân bằng với carbon dioxide và oxy	Hộp	16
72	6	Chất kiểm chứng mức 4 cho máy xét nghiệm khí máu	Chất kiểm chứng mức 4 dùng cho máy xét nghiệm khí máu. 1 hộp gồm 30 ống hoặc tương đương. Thành phần: đệm sinh học, muối và chất bảo quản, và được cân bằng với carbon dioxide và oxy	Hộp	16
73	7	Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng hiệu năng cao	Hóa chất sẵn sàng cho sử dụng trên máy Premier Hb9210. Thành phần: Dung dịch Buffer A: Nước 90-100%, Methanol: 0-0.5%, dd Ammonia: 0.5-1%; Dung dịch Buffer B: Nước 90-100%, Methanol: 0-0.5%, dd Ammonia: 0-0.5%; Dung dịch Diluent: Nước 90-100%, TRITON X100: 0-0.5%, Sodium azide: 0-0.5%; Dung dịch Wash: Nước 90-100%, Ethanol: 1-10%, Methanol: 0-0.5%, Sodium azide: 0-0.5%; Cột phân tích: Polymer gel: 90-100%	Bộ	20
74	8	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	Được sử dụng để kiểm soát hiệu năng của xét nghiệm định lượng Glycated Hemoglobin. - Bột đông khô, cần hoàn nguyên trước khi sử dụng. Thành phần: Máu toàn phần	Hộp	12
75	9	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HbA1c	Được sử dụng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng HbA1c theo nguyên lý ái lực (affinity) - Bột đông khô, cần hoàn nguyên trước khi sử dụng - Thành phần: Máu toàn phần	Hộp	12

Ghi chú: Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trên chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu; nhà cung cấp có thể báo giá những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn (Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chỉ tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "tốt hơn" so với yêu cầu báo giá).



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
BSCKII. Đoàn Duy Cường

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Số TT yêu cầu báo giá	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Phân loại TTBYT	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Mã HS	Năm sản xuất	Hãng sản xuất/Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1		Thiết bị A														
2		Thiết bị B														
n		...														

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ...[ghi ngàytháng....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.



....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.